

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 307/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2017.

V/v : “ tranh chấp ly hôn,
nuôi con, giải quyết
nợ chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Dương Minh Ngọc.

+ Bà Trần Thị Long

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 119/2017/HNGĐ-ST ngày 03/5/2017, về “*tranh chấp ly hôn, nuôi con, giải quyết nợ chung khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 31/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thùy V, sinh năm: 1990, trú tại: Thôn T, thị trấn A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn B, sinh năm: 1988, trú tại: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1971, trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Xin vắng mặt.

+ Ngân hàng H, địa chỉ: phường H, quận M, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc. Ông T ủy quyền thường xuyên cho ông Võ Văn H, Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng H tham gia tố tụng. Ông Huân ủy quyền lại cho ông Nguyễn H, Phó Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 102/UQ-NHCS. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 27/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị Thùy V trình bày:

Tôi và anh B tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2013. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B đánh đập bạo lực với tôi khiến tôi phải điều trị tại bệnh viện và về nhà mẹ đẻ ở H sống từ đó cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn anh B.

Về con chung có một cháu tên Nguyễn Thùy H, sinh năm: 2012. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tài sản chung không có.

Nợ chung có nợ của Ngân hàng H 30.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 22/9/2017 là 3.100.000 đồng. Nợ bà Nguyễn Thị L 02 chỉ vàng 24K. Yêu cầu chia đôi nợ chung theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng không cho ai mượn nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn B trình bày tại bản tự khai ngày 25/5/2017:

Tôi và chị V tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2012. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hết tình cảm nên vợ tôi xin ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con chung có một cháu tên Nguyễn Thùy H, sinh năm 2012. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung không có.

Nợ chung có nợ của Ngân hàng H 30.000.000 đồng. Nợ bà Nguyễn Thị L 02 chỉ vàng 24K. Yêu cầu chia đôi nợ chung theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng không cho ai mượn nợ.

Đại diện Ngân hàng H, ông H trình bày tại phiên tòa: Vợ chồng chị V, anh B có vay của ngân hàng chúng tôi số tiền 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 22/9/2017 là 3.100.000 đồng. Nay vợ chồng chị V, anh B ly hôn thì yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị V, anh B chia đôi nợ để trả cho ngân hàng chúng tôi theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày tại bản tự khai: Bà có cho vợ chồng chị V, anh B mượn 02 chỉ vàng 24K. Nay chị V, anh B ly hôn thì bà yêu cầu chị V, anh B trả số vàng này cho bà theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị V được ly hôn anh B; về con chung giao cho chị V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; về nợ chị V, anh B mỗi người có trách nhiệm trả cho bà L 01 chỉ vàng 24K; trả cho Ngân hàng H ½ nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị V và anh B tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh B là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, năm 2015 chị V và anh B phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị V do anh B đánh đập chị phải nhập viện, vì hoảng sợ chị V cùng con gái về nhà mẹ đẻ ở H sống từ năm 2015 đến nay. Theo anh B nguyên nhân mâu thuẫn là do hết tình cảm vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành đã triệu tập các bên tham gia phiên hòa giải để đoàn tụ nhưng anh B không đến nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh B không thể hàn gắn được, phần ai nấy sống không quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ năm 2015 đến nay nên quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh B nếu tiếp tục cũng không đạt được mục đích. Do vậy chị V yêu cầu ly hôn anh B là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: trong quá trình hôn nhân chị V và anh B sinh được một con gái tên Nguyễn Thùy H, sinh năm: 2012. Cả chị V và anh B đều yêu cầu được nuôi con; anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; chị V yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy hiện cháu H đang được chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ năm 2015 đến nay, để đảm bảo sự phát triển ổn định và tinh thần và thể chất cho cháu, cần tiếp tục giao cháu H cho chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi, anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: có nợ của Ngân hàng H 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 22/9/2017 là 3.100.000 đồng. Nợ bà Nguyễn Thị L 02 chỉ vàng 24K (3.400.000 đồng/1 chỉ) được chị V và anh B thừa nhận. Chị V và anh B mỗi người có trách nhiệm trả ½ nợ chung của vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cho mượn nợ: Không có.

- Án phí HNGĐ sơ thẩm chị V phải chịu; án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh B phải chịu theo quy định tại nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 14,15,16, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5, 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Thùy V được ly hôn anh Nguyễn Tấn B.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thùy H, sinh năm 2012 cho chị Trương Thị Thùy V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi Nguyễn Thùy H thành niên đủ 18 tuổi.

2.2. Anh Nguyễn Tấn B đóng góp nuôi con chung với chị V mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 10 năm 2017 đến khi cháu H thành niên đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung:

4.1. Chị Trương Thị Thùy V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) nợ gốc và 1.550.000 đồng (*một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) nợ lãi; trả cho bà Nguyễn Thị L 01 chỉ vàng 24K.

4.2. Anh Nguyễn Tấn B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) nợ gốc và 1.550.000 đồng (*một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) nợ lãi; trả cho bà Nguyễn Thị L 01 chỉ vàng 24K.

5. Về cho mượn nợ: Không có.

6. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trương Thị Thùy V phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị V đã nộp trước tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0001347 ngày 03/5/2017. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Đối với khoản nợ vay Ngân hàng H, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Sơn